

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 ngày 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Theo đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 67/TTr-SLĐTBXH ngày 14 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025 và thay thế Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án chi trả trợ cấp xã hội thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH;
- Lưu: VT, KGVX.Trang.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

ĐỀ ÁN

Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Phần mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thanh toán không dùng tiền mặt là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế thương mại toàn cầu. Việt Nam đã và đang bắt nhịp theo xu hướng này với những thành tựu bước đầu đáng ghi nhận. Bản chất của hình thức thanh toán không dùng tiền mặt chính là hạn chế lượng tiền mặt trong lưu thông hàng hóa, giảm thiểu chi phí xã hội, mở rộng không gian, rút ngắn thời gian cho quá trình bán và mua hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế. Thay vào đó là việc phát triển các dịch vụ chuyên nghiệp về thu chi, thẻ ngân hàng, thanh toán trực tuyến, thanh toán điện tử mà không làm thay đổi giá trị tiền mặt quy đổi.

Việc đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong chi trả các chế độ xã hội theo nhiều phương thức hiện đại, tiện lợi, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán hiện đại của nền kinh tế.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang thực hiện việc chi trả bảo trợ xã hội bằng tiền mặt quy định tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án chi trả trợ cấp xã hội thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và không dùng tiền mặt quy định tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả xã hội không dùng tiền mặt; Công văn số 5234/LĐT BXH-TTTT ngày 23/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách xã hội; Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Công văn số 6367/UBND-KGVX ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả xã hội không dùng tiền mặt; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang tổ chức thực hiện chi trả chính sách xã hội không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Thực tiễn trong chi trả chính sách xã hội, một bộ phận đối tượng chính sách vì nhiều lý do khác nhau (không có năng lực thực hiện giao dịch bằng công nghệ, thiếu máy ATM...) không mong muốn chi trả qua tài khoản; để đáp ứng tốt nhất

nhu cầu của đối tượng, trong lộ trình vẫn cần thiết duy trì chi trả bằng tiền mặt cho một số đối tượng. Quá trình thực hiện còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, đó là quy trình chi trả được hướng dẫn ở nhiều văn bản khác nhau, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện; việc thực hiện một số nội dung còn chưa thống nhất, có trường hợp đơn vị chi trả trừ tiền dịch vụ mở tài khoản, duy trì tài khoản vào chế độ chính sách được hưởng của đối tượng...

Đề phù hợp với các nội dung theo quy định tại Công văn số 5234/LĐTBXH-TTTT ngày 23/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; thống nhất hình thức chi trả; tổ chức dịch vụ chi trả; quy trình, trình tự các bước chi trả. Do vậy, việc xây dựng Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 là cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Nghị định số 11/2020/2021/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

3. Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với bảo trợ xã hội. Tại khoản 3, Điều 36 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh quyết định phương thức chi trả chính sách trợ giúp xã hội phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

4. Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

5. Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ. Tại khoản 7 Điều 3 Thông tư số 76/2021/TT-BTC quy định chi phí chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả: “Mức chi phí chi trả được xác định theo tỷ lệ % trên tổng số tiền chi trả cho đối tượng bảo trợ xã hội do UBND cấp tỉnh quyết định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng bảo trợ xã hội của từng địa phương”.

6. Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017.

7. Thông tư 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước.

8. Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ

về việc phê duyệt đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

9. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt;

10. Công văn số 5234/LĐTBOXH-TTTT ngày 23/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội xã hội;

11. Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

12. Công văn số 6367/UBND-KGVX ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

13. Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang tổ chức thực hiện chi trả trợ cấp xã hội xã hội không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

III. PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Phạm vi Đề án

Đề án được thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Giang.

2. Thời gian thực hiện Đề án

Hiện nay, công tác chi trả trợ cấp xã hội năm 2024 đang thực hiện theo các quy định hiện hành. Để đảm bảo thống nhất, phù hợp điều kiện thực tế, Đề án thực hiện từ ngày 01/01/2025 đến năm 2030.

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Quan điểm xây dựng Đề án

- Đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật về công tác chi trả chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội; quy định trong công tác lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ chi trả;

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh trong quá trình thực hiện chi trả chính sách cho các đối tượng;

- Đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn, phương thức chi trả cần hướng tới đáp ứng tốt nhất nhu cầu của đối tượng chính sách;

- Đảm bảo tính khả thi trong triển khai thực hiện.

2. Mục tiêu của việc xây dựng Đề án

Xây dựng các quy định thống nhất về hình thức chi trả, quy trình chi trả, thực hiện quy định về lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả... nhằm cụ thể hóa các quy định của pháp luật về chi trả chính sách cho các đối tượng và phát triển hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CHI TRẢ TRỢ CẤP XÃ HỘI

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với bảo trợ xã hội; Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án chi trả trợ cấp xã hội thông qua đơn vị cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện) đã tổ chức đấu thầu lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chi trả, ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả chi trả là Bưu điện tỉnh (đơn vị trúng thầu).

Trong quá trình triển khai thực hiện từ tháng 10/2022; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bưu điện tỉnh, các sở, ngành, đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện chi trả trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh; công tác chi trả trợ cấp xã hội do ngành Bưu điện thực hiện ngày càng nền nếp, hiệu quả, được cấp ủy, chính quyền cơ sở và Nhân dân tin tưởng đồng tình, ủng hộ cao.

Thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả xã hội không dùng tiền mặt; công văn số 5234/LĐTĐBXH-TTTT ngày 23/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 02/3/2023 tổ chức thực hiện chi trả chính sách xã hội không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai đến cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đã triển khai việc đăng ký hình thức nhận trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng người có công, bảo trợ xã hội.

2. Hình thức chi trả

Hiện nay, việc chi trả trợ cấp xã hội qua tổ chức dịch vụ chi trả (hệ thống Bưu điện) theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang bằng tiền mặt.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 về thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả xã hội không dùng tiền mặt; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 5234/LĐTĐBXH-TTTT ngày 23/12/2022 về việc hướng dẫn chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách xã hội thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện thông qua hai hình thức (chi trả bằng tiền mặt và chi trả không dùng tiền mặt).

3. Quy trình chi trả

Hiện nay, quy trình chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện được thực hiện theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; Đề án đã

được phê duyệt tại Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang bằng tiền mặt: Hàng tháng, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội lập danh sách đối tượng thụ hưởng (bao gồm đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng tăng, giảm; đối tượng hưởng trợ cấp một lần), tổng hợp kinh phí và chuyển tạm ứng/thực chi từ Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản cho Bưu điện cấp huyện. Bưu điện cấp huyện thực hiện việc rút kinh phí và chi trả bằng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Kết quả chi trả trợ cấp xã hội.

Tổng lũy kế việc chi trả trợ cấp xã hội từ tháng 10/2022 đến hết tháng 12/2023, ngành Bưu điện đã thực hiện chi trả hàng tháng cho 1.249.392 lượt đối tượng bảo trợ xã hội trên toàn tỉnh; kinh phí chi trả trợ cấp 665.512,7 triệu đồng đảm bảo an toàn, kịp thời, đến đúng đối tượng hưởng lợi, cụ thể như sau:

- Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022: Thực hiện chi trả cho 203.888 lượt đối tượng (*bình quân 67.963 người/tháng*), kinh phí chi trả trợ cấp 103.496,22 triệu đồng. Mức phí chi trả 3 tháng cuối năm là 470,25 triệu đồng; bình quân 750.000 đồng/xã/tháng.

- Năm 2023: Thực hiện việc chi trả cho 777.226 lượt người (*bình quân 64.769 người/tháng*), kinh phí chi trả trợ cấp: 416.349,665 triệu đồng. Mức phí chi trả 3.300,99 triệu đồng, bình quân 1,316 triệu đồng/xã/tháng.

- Từ tháng 01/2024 đến tháng 5/2024: Thực hiện chi trả cho 335.991 lượt đối tượng (*bình quân 67.198 người/tháng*), kinh phí chi trả trợ cấp 145.666,814 triệu đồng. Mức phí chi trả 5 tháng đầu năm là 1.193,98 triệu đồng; bình quân 1,115 triệu đồng/xã/tháng.

Đối với chi trả trợ cấp xã hội không dùng tiền mặt theo Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh; từ tháng 7/2023 đến tháng 5/2024 có 67.821 đối tượng bảo trợ xã hội được rà soát (đạt tỷ lệ 100%), trong đó có 39.137/67.821 đối tượng đã có tài khoản (đạt 57,71%); có 8.550/39.137 đối tượng chi trả qua tài khoản (đạt 21,85%); tổng kinh phí chi trả qua tài khoản 22.548,109/562.016,479 triệu đồng (đạt tỷ lệ 4,012%). Do đó, thời gian tới cần tiếp tục phát triển thanh toán không dùng tiền mặt chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sau gần 07 năm triển khai thực hiện Đề án chi trả trợ cấp xã hội thông qua Bưu điện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh); gần 03 năm triển khai thực hiện Đề án chi trả trợ cấp xã hội thông qua tổ chức dịch vụ chi trả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (theo Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh); Bưu điện tỉnh đã thực hiện chi trả an toàn về tiền trợ cấp xã hội hàng tháng cho 1.249.392 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, kinh phí chi trả 665.512,7 triệu đồng. Việc chi trả của Bưu điện tỉnh mang tính chuyên nghiệp, giúp giảm tải áp lực công việc cho đội ngũ cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ở cơ sở; công tác chi trả đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời, khách quan, hạn chế những tiêu cực trong quá trình thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn. Việc đấu thầu lựa chọn

tổ chức dịch vụ chi trả (ngành Bưu điện) được thực hiện trong thời gian qua đã giúp cơ quan quản lý nhà nước các cấp cải cách thủ tục hành chính; thực hiện tốt hơn công tác theo dõi, giám sát, cập nhật, quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, duy trì chế độ chính sách ổn định, nề nếp qua đó đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân và các đối tượng thụ hưởng chính sách. Thông qua việc trao đổi thông tin thường xuyên của cán bộ, nhân viên Bưu điện trong quá trình chi trả trợ cấp xã hội, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp đã phát hiện đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trùng chế độ, hết điều kiện hưởng... để kịp thời xử lý, giải quyết theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác chi trả qua hệ thống Bưu điện còn một số hạn chế như:

2.1. Về hình thức chi trả

- Có nhiều đối tượng thụ hưởng chưa sẵn sàng tiếp nhận chuyển đổi phương thức chi trả mới (vẫn mong muốn chi trả bằng tiền mặt), vì vậy không phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để cung cấp thông tin cá nhân hoặc thông tin của người giám hộ/nhận thay; gây ảnh hưởng đến tiến độ triển khai kế hoạch. Nguyên nhân:

+ Hầu hết các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội là người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng người cao tuổi, người tâm thần, trẻ mồ côi, người nhiễm HIV thuộc diện hộ nghèo...; do vậy đa số hạn chế về khả năng tiếp cận thông tin, không đáp ứng được các điều kiện để mở và sử dụng tài khoản thanh toán của ngân hàng.

+ Tâm lý không muốn ủy quyền, ủy thác cho người khác nhận hộ trợ cấp qua tài khoản vì sau đó không được sử dụng ngay hoặc phải xin lại tiền trợ cấp của mình do đăng ký tài khoản của người thân.

+ Một bộ phận đối tượng chính sách vì nhiều lý do khác nhau (do tuổi cao, hạn chế khả năng tiếp cận thông tin...) không thành thạo các kỹ năng sử dụng các ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt qua Smartphone (như ứng dụng ví điện tử Apple Pay, MoMo; Mã QR...), khiến cho các đối tượng không đăng ký chi trả qua tài khoản.

- Hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 219 máy ATM, tập trung chủ yếu ở thành phố Bắc Giang (62 máy); Việt Yên (49 máy chủ yếu ở các khu công nghiệp); Lạng Giang (25 máy); Tân Yên (19 máy); Lục Nam (17 máy); Hiệp Hòa (16 máy); Yên Dũng (14 máy); Yên Thế (8 máy); Lục Ngạn (6 máy); Sơn Động (3 máy). Việc xem xét quyết định lắp đặt máy ATM phải được phê duyệt của Hội Sở chính, căn cứ vào nhiều tiêu chí như hiệu quả kinh tế, công tác bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động...; chi phí đầu tư cho một máy ATM khá lớn (khoảng trên 1 tỷ đồng). Bên cạnh đó, theo quy định khi lắp đặt máy ATM thì các ngân hàng phải đảm bảo an ninh, máy chạy thông suốt, đầy đủ tiền mặt; trong trường hợp máy ATM hết tiền, các ngân hàng phải thực hiện tiếp tiền trong vòng 4 tiếng (máy ở nội thành) đến 8 tiếng (máy ở ngoài thành). Tuy nhiên, do đặc thù đối tượng bảo trợ xã hội (người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng người cao tuổi, người tâm thần, trẻ mồ côi, người nhiễm HIV thuộc diện hộ nghèo...) nên việc

giao dịch trên hệ thống máy ATM hạn chế; do vậy, việc lắp đặt thêm máy ATM xét về hiệu quả kinh tế đối với các ngân hàng trong thời gian tới là chưa khả thi.

- Chi phí đối tượng phải trả khi nhận trợ cấp qua tài khoản: theo phản ánh từ các địa phương, hiện nay vẫn còn hiện tượng một số Ngân hàng có thu phí và trừ tiền trực tiếp vào tài khoản của đối tượng nên ảnh hưởng đến số lượng đối tượng đăng kí nhận trợ cấp qua tài khoản.

2.2. Về quy trình chi trả

Việc thực hiện chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện thông qua hai hình thức (chi trả bằng tiền mặt và chi trả không dùng tiền mặt) như hiện nay triển khai theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 5234/LĐT BXH-TTTT ngày 23/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND tỉnh chưa được thống nhất cũng như chưa được phê duyệt theo Đề án chi trả trợ cấp xã hội.

2.3. Đối với Bưu điện (đơn vị trúng thầu theo Đề án đã được phê duyệt)

- Công tác phối hợp giữa phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Bưu điện cùng cấp đôi khi còn chưa kịp thời (chậm báo giảm đối tượng đã chết hoặc chuyển đi nơi khác). Một số đơn vị thường xuyên thay đổi nhân viên thực hiện chi trả trợ cấp, dẫn đến nhân viên mới chưa nắm tốt địa bàn, đối tượng thụ hưởng; một số ít cán bộ chi trả Bưu điện trình độ năng lực còn hạn chế, phẩm chất đạo đức chưa tốt, nên trong quá trình chi trả còn xảy ra tình trạng ngâm tiền, chi trả chưa kịp thời, về việc này sau khi phát hiện ra thì Ngành Bưu điện cũng đã xử lý và thay thế cán bộ chi trả.

- Vẫn còn hiện tượng ký thay, nhận hộ tiền trợ cấp mà không có giấy ủy quyền. Giấy ủy quyền còn hiện tượng không ghi rõ thời hạn ủy quyền.

- Một số cán bộ chi trả của Bưu điện còn chưa chi trả cho đối tượng kịp thời, để đối tượng phản ánh; có thái độ phục vụ nhân dân chưa tốt.

- Một số cán bộ, nhân viên Bưu điện cấp xã còn chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm, việc lưu giữ chứng từ chi trả còn ẩu, chưa khoa học gọn gàng.

- Số tiền hưởng trợ cấp không lớn, thường để dồn 1-2 tháng mới lĩnh nên việc thanh quyết toán với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội chưa đúng theo hợp đồng đã ký kết.

- Việc chi trả trợ cấp còn hiện tượng chưa đúng thời gian quy định (thời gian chi trả có một số tháng vẫn chi sau ngày 10 hàng tháng; việc thanh quyết toán với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện còn chưa kịp thời.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT CHI TRẢ TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tạo sự chuyển biến tích cực về thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động xã hội, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển hạ tầng thanh toán, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, đáp ứng nhu cầu thanh toán

một cách thuận tiện, hiệu quả của tổ chức cá nhân; đảm bảo minh bạch, an ninh, an toàn; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong chi trả chính sách, giảm chi phí cho người dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, năng lực cho các đội ngũ cán bộ, hiểu biết của người dân...

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2025, 100% đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng được mở 01 tài khoản miễn phí tại ngân hàng; tỷ lệ chi trả thông qua các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt 10%.

Đến năm 2030, tỷ lệ chi trả qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt 30% số đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp hàng tháng.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Cá nhân, hộ gia đình có người hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội một lần tại cộng đồng.

2. Hộ gia đình có người hưởng chính sách hỗ trợ chi phí hỏa táng.

3. Cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội.

III. NGUYÊN TẮC, HÌNH THỨC CHI TRẢ

1. Nguyên tắc và yêu cầu chung của Đề án

a) Các khoản trợ cấp phải được chi trả trực tiếp cho từng đối tượng theo các quyết định được hưởng.

b) Đối tượng được lựa chọn ngân hàng theo yêu cầu của mình để mở tài khoản, mỗi một đối tượng phải mở một tài khoản ở một ngân hàng đủ điều kiện theo quy định. Nếu mở tài khoản cho người khác nhận hộ thì phải có giấy ủy quyền.

c) Ngân hàng tham gia đề án phải đáp ứng được một số yêu cầu tối thiểu sau:

Mở miễn phí cho đối tượng tài khoản ban đầu và miễn phí duy trì tài khoản cho đối tượng; không được thu hoặc trừ bất kỳ một khoản kinh phí nào từ tài khoản của đối tượng mở tại ngân hàng.

Phí rút tiền bằng tiền mặt (rút lần đầu) do tổ chức dịch vụ chi trả thanh toán cho các ngân hàng thương mại.

d) Việc chi trả không dùng tiền mặt phải đáp ứng được nguyện của đối tượng, thuận lợi hơn cho đối tượng.

2. Hình thức triển khai thực hiện Đề án

Trong điều kiện hạ tầng về hệ thống rút tiền từ máy ATM còn chưa đồng bộ, nhất là vùng nông thôn việc chi trả trợ cấp hiện nay không thể chuyển ngay sang chi trả 100% thông qua tài khoản ngân hàng, cần phải có lộ trình phấn đấu và phù hợp với tâm tư, nguyện vọng và yêu cầu của đối tượng; chính vì vậy việc thực hiện chi trả trợ cấp xã hội cần linh hoạt trong giai đoạn hiện nay.

2.1. Chi trả trợ cấp xã hội trực tiếp bằng tiền mặt

Các đối tượng không có nhu cầu, chưa đồng ý chi trả qua tài khoản ngân hàng, thì tổ chức dịch vụ chi trả phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã tiếp tục tuyên truyền và vẫn thực hiện chi trả trực tiếp cho đối tượng, đầy đủ, kịp thời.

2.2. Chi trả trợ cấp xã hội phát triển thanh toán không dùng tiền mặt

Các đối tượng có tài khoản và đã nhất trí, đồng ý chuyển tiền qua tài khoản của cá nhân; tổ chức dịch vụ chi trả phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã thực hiện phối hợp với các ngân hàng thương mại nơi đối tượng mở tài khoản để chi trả vào tài khoản ngân hàng của từng đối tượng, đầy đủ, kịp thời.

IV. TỔ CHỨC DỊCH VỤ CHI TRẢ

1. Việc lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chế độ bảo trợ xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật, đảm bảo có mạng lưới điểm giao dịch tại xã, phường, thị trấn, có thể đảm nhiệm việc chi trả tại nhà cho một số đối tượng đặc thù và có ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại để kết hợp hoạt động chi trả với quản lý đối tượng, đảm bảo việc chi trả chế độ đúng, đủ, kịp thời và an toàn.

2. Việc chi trả thông qua tổ chức dịch vụ chi trả được lập thành hợp đồng giữa cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và tổ chức dịch vụ chi trả, trong đó ghi rõ phạm vi đối tượng chi trả, phương thức chi trả (gồm chi trả trực tiếp bằng tiền mặt, chi trả qua hệ thống ngân hàng và các phương thức không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật), phương thức chuyển tiền và thời hạn chuyển tiền, thời hạn chi trả đến người thụ hưởng, mức chi phí chi trả, thời hạn thanh quyết toán, quyền và trách nhiệm của các bên, thỏa thuận khác có liên quan đến việc chi trả.

Tháng 10 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức đấu thầu, ký hợp đồng chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội với tổ chức dịch vụ chi trả. Nội dung hợp đồng ghi rõ phạm vi, đối tượng chi trả, phương thức chi trả, phương thức chuyển tiền và thời hạn chuyển tiền, thời hạn chi trả đến người thụ hưởng, mức phí chi trả theo thực tế, thời hạn thanh quyết toán, trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng và xử lý tranh chấp hợp đồng chi trả trợ cấp xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

V. MÔ HÌNH TỔ CHỨC DỊCH VỤ CHI TRẢ

1. Quy trình chi trả

a) Hàng tháng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện lập danh sách đối tượng thụ hưởng (danh sách chi trả trực tiếp bằng tiền mặt và danh sách chi trả không dùng tiền mặt qua tài khoản cá nhân tại ngân hàng; danh sách bao gồm đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng tăng, giảm; đối tượng hưởng trợ cấp một lần); số kinh phí chi trả (bao gồm cả tiền truy lĩnh và mai táng phí của đối tượng); thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho tổ chức dịch vụ chi trả qua tài khoản tại ngân hàng. Tổ chức dịch vụ chi trả rút tiền từ ngân hàng về và chi trả trực tiếp hoặc phối hợp với các ngân hàng thương mại nơi đối tượng mở tài khoản chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của đối tượng hoặc người ủy quyền kịp thời. Trong thời gian chi trả, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm cử người giám sát việc chi trả của tổ chức dịch vụ chi trả.

b) Thời gian làm thủ tục chuyển tiền cho tổ chức dịch vụ chi trả theo hợp đồng đã ký giữa 02 bên và đảm bảo đủ tiền chi trả cho các đối tượng theo đúng thời gian quy định.

2. Địa điểm và thời gian chi trả

a) Địa điểm chi trả chế độ chính sách tập trung tại điểm giao dịch ở các xã/ phường/ thị trấn, thôn/ bản/ tổ dân phố hoặc tại nơi ở của người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng, người cao tuổi... không thể đi lại để nhận tiền tại điểm giao dịch.

b) Thời gian chi trả: trước ngày 10 hàng tháng.

3. Thực hiện chi trả

3.1. Trường hợp chi trả trợ xã hội trực tiếp bằng tiền mặt

a) Căn cứ danh sách chi trả hàng tháng do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện cung cấp, tổ chức dịch vụ chi trả lập danh sách chi trả cho các đối tượng và hộ gia đình tại điểm giao dịch gần nơi đối tượng cư trú (thuận tiện cho đối tượng đến nhận tiền) và chuyển danh sách đối tượng cho các điểm giao dịch trên địa bàn xã, phường, thị trấn được phân công chi trả; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và đối tượng biết địa điểm và thời gian chi trả.

b) Các điểm giao dịch thực hiện chi trả của tổ chức dịch vụ chi trả yêu cầu đối tượng nhận tiền hoặc người được ủy quyền nhận tiền ký nhận và ghi rõ họ và tên vào danh sách chi trả; đồng thời, nhân viên chi trả ký xác nhận vào Sổ theo dõi lĩnh tiền trợ cấp của đối tượng. Trường hợp người nhận tiền không có khả năng ký nhận được dùng ngón tay để điểm chỉ. Trường hợp hộ gia đình không đến lĩnh tiền trợ cấp hoặc trường hợp nhân viên đến chi trả tại nhà nhưng không có người nhận, nhân viên chi trả nộp lại sổ kinh phí chưa chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả để chuyển trả vào tháng sau.

c) Trường hợp 03 tháng liên tục, đối tượng không nhận tiền, tổ chức dịch vụ chi trả có trách nhiệm phối hợp với cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã tìm hiểu nguyên nhân. Nếu do đối tượng chết, mất tích, chuyển khỏi địa bàn hoặc hết điều kiện hưởng trợ cấp thì tổ chức dịch vụ chi trả có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện biết để giải quyết (làm các thủ tục cắt trợ cấp hoặc tạm dừng chi trả trợ cấp theo quy định).

3.2. Trường hợp chi trả trợ cấp xã hội qua tài khoản

Căn cứ vào đề xuất, đồng ý của đối tượng nhận tiền qua tài khoản được mở tại các ngân hàng thương mại và danh sách nhận tiền qua tài khoản; tổ chức dịch vụ chi trả phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chuyển kinh phí cho từng ngân hàng nơi đối tượng mở tài khoản để trích chuyển vào tài khoản cá nhân của từng đối tượng. Tổ chức dịch vụ chi trả có trách nhiệm ký hợp đồng với từng ngân hàng thương mại nơi đối tượng mở tài khoản để quy định quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng bên trong quá trình chi trả.

4. Báo cáo và quyết toán

a) Tổ chức dịch vụ chi trả tổng hợp danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả và danh sách đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng

sau cho phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 15 hàng tháng;

b) Trước ngày 20 hàng tháng, tổ chức dịch vụ chi trả chuyển chứng từ (danh sách đã ký nhận và chứng từ chuyển khoản ngân hàng) quyết toán kinh phí đã chi trả cho các đối tượng và chuyển trả phần kinh phí không chi hết cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để làm cơ sở quyết toán ngân sách nhà nước.

5. Việc thanh toán; tạm ứng, thanh toán tạm ứng tại Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch cho đối tượng trực tiếp thụ hưởng hoặc qua tổ chức dịch vụ chi trả.

a) Việc thanh toán; tạm ứng được thực hiện theo tiết a, điểm 2.3, Điều 5 Thông tư 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

b) Việc thanh toán tạm ứng được thực hiện theo tiết 4.1, điểm 4, Điều 6 Thông tư 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính, các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Kinh phí thực hiện

6.1. Mức phí chi trả trợ cấp xã hội

- Mức chi phí chi trả trợ cấp xã hội bằng 0,80% tổng số tiền thực chi trả cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.

- Dự kiến tổng phí chi trả năm 2025 là: $0,80\% \times 350.000$ triệu đồng = 2.800 triệu đồng; bình quân 1,116 triệu đồng/xã/tháng.

- Trong trường hợp mức phí chi trả trợ cấp xã hội trên không còn phù hợp thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, sau khi thống nhất với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6.2. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước của các huyện, thị xã, thành phố.

VI. HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

1. Về thời gian được nhận chi trả trợ cấp xã hội: Được đảm bảo nhận trợ cấp đúng thời gian, các trường hợp thụ hưởng, số tiền theo danh sách chi trả do phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp; công tác tổ chức chi trả được thực hiện một cách khoa học và hợp lý để người nhận không phải xếp hàng chờ đợi lâu.

2. Việc thanh toán không dùng tiền mặt an toàn và tránh được các rủi ro như mất cắp, tiền rách, tiền giả; giúp cho các đơn vị quản lý nhà nước giảm chi phí in ấn, vận chuyển, kiểm soát và lưu trữ tiền; nhờ đó, các chi phí xã hội đi kèm cũng được giảm xuống mức thấp nhất

3. Công tác chi trả trợ cấp xã hội được thực hiện bởi các đơn vị nhà nước và tổ chức dịch vụ chi trả đảm bảo tính chuyên nghiệp, được quản lý thống nhất, đảm bảo an toàn các nguồn tiền chi trả do cơ quan ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, công tác an toàn tiền mặt tuân thủ theo quy trình nghiêm ngặt, chuyên nghiệp.

4. Với chủ trương của Đảng, Nhà nước là “đem lại lợi ích tối đa cho người dân” các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: Mobile Money; Ứng dụng ngân hàng (Banking) (Vietinbank; Agribank; Ngân hàng chính sách, Liên Việt...); VNelD; Người ủy quyền; Tổ chức dịch vụ chi trả; Ví (VNPOST; EPAY;... các ví khác), mục tiêu tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thực hiện đăng ký tài khoản để thực hiện chi trả không dùng tiền mặt hoàn toàn được miễn phí toàn bộ các chi phí liên quan đến mở thẻ, duy trì thẻ và phí rút tiền tại các điểm rút tiền của ngân hàng trong quá trình sử dụng; khi hạ tầng kỹ thuật, hệ thống máy ATM đáp ứng được yêu cầu sẽ giúp đối tượng tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian chờ đợi nhận tiền.

5. Việc Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt chi trả trợ xã hội được phê duyệt là một trong những nhiệm vụ thúc đẩy chuyển đổi số trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt; tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ xã hội một cách nhanh chóng, thuận lợi, thụ hưởng và nhận định đúng các chính sách của Đảng và Nhà nước; đặc biệt là khẳng định quyền an sinh của người dân với tinh thần “không ai bị bỏ lại phía sau” trong công cuộc chuyển đổi số; góp phần vào công tác phòng chống tiêu cực, phòng chống tội phạm trong lĩnh vực an sinh xã hội, đảm bảo chi trả đúng chính sách, đúng đối tượng, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tham nhũng, trục lợi; hỗ trợ kịp thời các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn nhất trong xã hội và khẳng định sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với nhóm đối tượng “yếu thế”.

Phần thứ ba TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng nội dung, tổ chức các hoạt động tuyên truyền về chi trả trợ cấp xã hội không dùng tiền mặt.
2. Chỉ đạo, theo dõi thực hiện chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.
3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, giám sát việc chi trả của tổ chức dịch vụ chi trả.
4. Cập nhật kịp thời tình hình đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.
5. Xây dựng tài liệu và tập huấn hướng dẫn về quy trình chi trả không dùng tiền mặt cho cán bộ xã, phường, thị trấn, thôn, bản; các thủ tục, hồ sơ chuẩn bị cho việc mở tài khoản thanh toán cho đối tượng
6. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được giao.

II. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan truyền thông trên báo chí, mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở,... nhằm nâng cao nhận thức cho các đối tượng trong việc chuyển đổi từ

phương thức chi trả bằng tiền mặt sang phương thức chi trả không dùng tiền mặt.

2. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cũng như đảm bảo việc trao đổi, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị thực hiện chính sách chi trả trợ cấp xã hội không dùng tiền mặt.

3. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

III. SỞ TÀI CHÍNH

1. Hướng dẫn sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định. Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và phí chi trả trợ cấp xã hội trên địa bàn tỉnh vào dự toán ngân sách địa phương, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

IV. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. Chỉ đạo toàn diện việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn.

2. Xây dựng dự toán, bố trí kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội và phí chi trả trợ cấp xã hội.

3. Căn cứ vào Đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, chỉ đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tổ chức đấu thầu lựa chọn tổ chức dịch vụ chi trả chi trả theo đúng quy định của pháp luật; ký hợp đồng với tổ chức dịch vụ chi trả thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.

4. Kiểm tra, giám sát tổ chức dịch vụ chi trả trong việc thực hiện công tác chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng. Tổng hợp quyết toán kinh phí và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính theo quy định.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

V. PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI CẤP HUYỆN

1. Chủ trì, phối hợp với tổ chức dịch vụ chi trả, các ngân hàng thương mại, cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã, triển khai tốt công tác chi trả đối với đối tượng bảo trợ xã hội qua hệ thống tổ chức dịch vụ chi trả không dùng tiền mặt theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Tổ chức kiểm tra, nắm bắt tình hình, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chi trả; tổng hợp báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót xảy ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chi trả của tổ chức dịch vụ chi trả, hệ thống ngân hàng; đồng thời rút kinh nghiệm và hoàn thiện mô hình chi trả.

3. Thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong đề án.

4. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

VI. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. Thực hiện quản lý đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn; theo dõi và giám sát việc chi trả trợ cấp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội của tổ chức dịch vụ chi trả. Tổng hợp và báo cáo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện tình hình thực hiện công tác chi trả trợ cấp trên địa bàn, các ý kiến phản hồi của

người dân, đối tượng thụ hưởng đối với dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội.

2. Chỉ đạo cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, phối hợp cùng với cán bộ tổ chức dịch vụ chi trả, cán bộ các ngân hàng thương mại thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ đã nêu trong Đề án.

3. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC DỊCH VỤ CHI TRẢ

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội. Cam kết phục vụ đối tượng tận tâm, chất lượng, đảm bảo uy tín; thực hiện việc chi trả đầy đủ, kịp thời đúng quy định, không để xảy ra tình trạng trả chậm, trả thiếu, chiếm dụng vốn gây ảnh hưởng đến đời sống của đối tượng.

2. Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức chi trả trợ cấp đến đối tượng theo danh sách và địa chỉ do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện cung cấp (không được thu thêm bất kỳ một loại khoản phí nào của đối tượng) đảm bảo thuận tiện, an toàn; phối hợp tốt với các ngân hàng thương mại nơi đối tượng mở tài khoản cá nhân và yêu cầu các ngân hàng thương mại chuyển vào tài khoản của cá nhân đối tượng.

3. Trường hợp tổ chức dịch vụ chi trả không chi trả được trợ cấp xã hội do đối tượng hoặc người được ủy quyền không ra điểm giao dịch nhận tiền trợ cấp theo thời gian quy định (trong thời hạn 03 tháng), đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tìm hiểu nguyên nhân:

- Đối với những trường hợp người khuyết tật, người già không đến được điểm giao dịch để lĩnh tiền trợ cấp thì tổ chức dịch vụ chi trả có trách nhiệm chuyển, phát tiền theo địa chỉ đối tượng.

- Đối với những trường hợp không lĩnh trợ cấp với lý do chết, mất tích, chuyển khỏi địa bàn hoặc hết điều kiện hưởng trợ cấp..., thì tổ chức dịch vụ chi trả thông báo cho cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã và phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

4. Tổ chức dịch vụ chi trả chi trả có trách nhiệm thực hiện theo quy trình chi trả quy định trong Đề án này. Trường hợp xảy ra mất tiền trong quá trình tổ chức thực hiện chi trả hoặc chi trả không đúng đối tượng, chế độ, thì tổ chức dịch vụ chi trả có trách nhiệm thu hồi, bồi hoàn cho đối tượng hoặc cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Thông báo công khai danh sách, địa chỉ các điểm giao dịch ở các xã/ phường/ thị trấn, thôn/ bản/ tổ dân phố.

6. Ngoài việc đáp ứng các yêu cầu chung, các tổ chức dịch vụ chi trả (trong trường hợp chi trả trực tiếp) cần phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể sau:

- Mỗi xã phường, thị trấn phải bố trí nhất một điểm chi trả tại Trung tâm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Phân đầu từ năm 2025: Ở các huyện mỗi thôn, làng (có đối tượng hưởng trợ cấp) bố trí ít nhất một điểm chi trả; Ở thị xã, thành phố ưu tiên phát triển các điểm chi trả theo các cụm, tổ dân phố đảm bảo thuận lợi nhất cho đối tượng nhận tiền.

- Mỗi điểm chi trả bố trí ít nhất 02 nhân viên chi trả;

- Mỗi điểm chi trả có đủ bàn ghế ngồi, phòng đợi thoáng mát, có bố trí nước uống, báo chí, tài liệu để đọc trong khi chờ đợi nhận tiền.
- Có biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn về tiền.

7. Trong trường hợp chi trả qua tài khoản cá nhân của đối tượng mở tại các ngân hàng thương mại: Phí rút tiền bằng tiền mặt (rút lần đầu) do tổ chức dịch vụ chi trả thanh toán cho các ngân hàng thương mại, được thực hiện thông qua hợp đồng giữa tổ chức dịch vụ chi trả và các ngân hàng thương mại, mức phí phải theo đúng quy định của pháp luật về lĩnh vực ngân hàng.

VIII. NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM CHI NHÁNH BẮC GIANG

1. Chỉ đạo các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh nghiên cứu có chính sách hỗ trợ trong quá trình thực hiện Đề án.
2. Chỉ đạo, xem xét ưu tiên bố trí điều kiện về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người hưởng trợ cấp xã hội được rút tiền qua tài khoản một cách thuận lợi.
3. Chỉ đạo các ngân hàng thương mại phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cấp tài khoản thanh toán cho đối tượng/ người giám hộ/ người được ủy quyền nếu có nhu cầu.

IX. CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp xã hội khi chi trả qua tài khoản cá nhân của đối tượng được mở tại các ngân hàng thương mại. Cam kết phục vụ đối tượng tận tâm, chất lượng, đảm bảo uy tín; thực hiện việc chi trả đầy đủ, kịp thời đúng quy định, không để xảy ra tình trạng trả chậm, trả thiếu, chiếm dụng vốn gây ảnh hưởng đến đời sống của đối tượng.
2. Phối hợp với tổ chức dịch vụ chi trả; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã để nắm chắc đối tượng và chuyển tiền kịp thời vào tài khoản của cá nhân đối tượng.
3. Thực hiện các nhiệm vụ đã nêu trong đề án.
4. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết và theo các quy định hiện hành.
5. Hằng tháng, tổng hợp báo cáo kết quả công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện; tổ chức dịch vụ chi trả có đối tượng chi trả không dùng tiền mặt.
6. Ưu tiên lắp đặt thêm máy ATM tại khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã, thôn xa trung tâm huyện khi ngân hàng đảm bảo đủ các điều kiện nhằm tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ tiện ích ngân hàng cho người dân./.